

Quyết định số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Kỳ Anh, ngày 24 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Ngọc Tùng

- Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST – HNGĐ ngày 14 – 12 – 2018 về hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phùng Thị Đ

Sinh ngày: 20 – 06 – 1987; Địa chỉ cư trú: Đội 3 thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt (có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn A

Sinh ngày: 27 – 07 – 1977; Địa chỉ cư trú: Số 48 thôn B, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt (đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do).

- Chị Nguyễn Thị H

Địa chỉ cư trú: Số 48 thôn B, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Vắng mặt (đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không

có lý do).

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ: Xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái T

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Vắng mặt (có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đức H

Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Vắng mặt (không rõ lý do).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Chị Phùng Thị Đ đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn A vào ngày 16 – 09 – 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011 quyền số 01/2011. Để được đăng ký kết hôn, anh A đã xuất trình trước Ủy ban nhân dân xã L 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân độc thân số 25/UBND-XN ngày 05 – 09 – 2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp, tuy giấy có dấu điều bị cắt dán nhưng do tin tưởng Ủy ban nhân dân xã L vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn giữa chị Đ và anh A có với nhau 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16 – 12 – 2011, do anh A và chị Đ ít khi chung sống với nhau nên cháu H chủ yếu chung sống với chị Đ. Đến cuối năm 2018, chị Đ phát hiện trước khi kết hôn với chị Đ, anh A đã kết hôn với chị Nguyễn Thị H, đăng ký kết hôn ngày 15 – 12 – 2000 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam, giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyền số 01, hiện tại anh A và chị H vẫn còn chung sống với nhau và chưa ly hôn.

Chị Đ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh A, giao cháu H cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi hủy việc kết hôn trái pháp luật và không yêu cầu anh A phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh sau khi kiểm tra xác minh cho rằng anh A đã sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân độc thân giả, cắt dán đánh tráo nội dung nhằm đánh lừa chị Đ và Ủy ban nhân dân xã L để đăng ký kết hôn. Do đó, Ủy ban nhân dân xã L cũng đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh A.

Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk xác nhận Ủy ban có cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 25/UBND-XN ngày 05 – 09 – 2011 cho

anh A, nhưng nội dung ghi là đang có vợ, mục đích là để anh A làm thủ tục xuất khẩu lao động. Đối với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân độc thân số 25/UBND-XN ngày 05 – 09 – 2011 do anh A xuất trình trước Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để kết hôn với chị Đ thì phần họ tên, chữ ký, con dấu đúng là của Ủy ban nhân dân xã P nhưng toàn bộ phần nội dung đã bị cắt ghép, giả mạo, không đúng như nội dung ban đầu, không đảm bảo thể thức để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý việc dân sự và đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh A và chị H không có mặt để trình bày sự việc và đưa ra các yêu cầu, nguyện vọng của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đ và anh A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, hiện tại chị Đ cư trú tại xã L, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Đ không có yếu tố nước ngoài, cho nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm g Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Chị Đ và người đại diện của Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có đơn đề nghị tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt mình. Anh A, chị H đã được tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng vắng mặt, người đại diện của Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày sự việc và ý kiến của mình, sự liên quan của Ủy ban nhân dân xã P chỉ là sự liên quan gián tiếp về mặt hành chính, không liên quan trực tiếp tới việc hủy việc kết hôn trái pháp luật. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh A, chị H, chị Đ, người đại diện của Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và người đại diện của Ủy ban xã P, huyện E tỉnh, Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đ, anh A, chị H, Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết quyết định giải quyết việc dân sự.

[2]. Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị H là hợp pháp, có đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Đến thời điểm anh A đăng ký kết hôn với chị Đ thì quan hệ hôn nhân giữa anh A với chị H vẫn còn tồn tại, anh A vẫn đang có vợ hợp pháp, cho nên việc anh A và chị Đ đăng ký kết hôn với nhau vi phạm Khoản 2 Điều 4, Điểm 1 Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hiện tại anh A và chị H vẫn còn chung sống với nhau và không ly hôn, căn cứ Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, yêu cầu của chị Đ về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật (giữa anh A và chị Đ) có cơ sở chấp nhận.

[3]. Giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Khoản 1 Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh A và chị Đ bị buộc phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Về con: Cháu H lâu nay sinh sống với chị Đ đã quen, điều kiện học tập, ăn ở, sinh hoạt cùng với chị Đ đã ổn định, hiện nay cháu có nguyện vọng tiếp tục được chung sống với chị Đ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, tạo điều kiện sinh hoạt, học tập ổn định cho cháu H, căn cứ vào Điều 131, Khoản 2 Điều 12, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu H cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu H không ai được ngăn cấm, cản trở.

Chị Đ không yêu cầu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu phân chia nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, chị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị Đ đã nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 14 – 12 – 2018.

[5]. Về xử lý trách nhiệm pháp lý đối với hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước và hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng: Kiến nghị Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với Công an huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk điều tra làm rõ, tùy mức độ vi phạm xử lý trách nhiệm hành chính hoặc hình sự đối với các đối tượng liên quan theo quy định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, Điểm g Khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 4, Điểm 1 Điều 10, Điều 16, Khoản 1 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Khoản 1, Khoản 2 Điều 12, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và DA mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo

Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị Đ về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phùng Thị Đ và anh Nguyễn Văn A theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2011 quyển số 01/2011 ngày 16 – 09 – 2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc chị Phùng Thị Đ và anh Nguyễn Văn A phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16 – 12 – 2011 cho chị Phùng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Quyết định giải quyết việc dân sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tuấn H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Tòa án; anh Nguyễn Văn A có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu Nguyễn Tuấn H không ai được ngăn cấm, cản trở.

Chị Phùng Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị Đ đã nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 14 – 12 – 2018. Tiền lệ phí giải quyết việc dân sự chị Phùng Thị Đ đã nộp đủ.

Chị Phùng Thị Đ, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H, Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết quyết định giải quyết việc dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh,

tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu: Chị Đ;
- Người có QL, NV liên quan: anh A, chị H, UBND xã L, UBND xã P;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ giải quyết việc dân sự, Văn thư.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Ngọc Tùng